TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 91/**2022/DS-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Văn Tùng

Ông Trần Minh Chánh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2022/TLST–DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng góp hụi. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2022/QĐXXST – DS ngày 05/9/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 206/2022/QĐST-DS ngày 21/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1936.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1999 (Có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Khóm B, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị B (Lê Kim B) (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Văn T (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày:

Vào năm 2020 bà Lê Thị B làm chủ hụi và ông Lê Văn Đ đã tham gia các dây hụi cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: hụi 2.000.000 đồng (hụi tháng), khui tháng 02 năm 2020 âm lịch, 01 tháng khui 01 lần, có 16 người tham gia, ông Đ tham gia 01 phần, dây hụi đến tháng 4/2021 âm lịch thì mãn, ông Đ hốt hụi được 27.000.000 đồng nhưng bà B chỉ giao 7.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: hụi 2.000.000 đồng (hụi tháng), khui tháng 07 năm 2020 âm lịch, 01 tháng khui 01 lần, có 17 người tham gia, ông Đ tham gia 01 phần, dây hụi đến tháng 11/2021 âm lịch thì mãn, ông Đ hốt hụi được 30.000.000 đồng nhưng bà B chỉ giao 3.000.000 đồng, còn nợ lại 27.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải của Ban nhân dân ấp Mỹ Hiệp, xã Long Bình, thị xã Ngã Năm thì bà B thừa nhận còn nợ ông Đ số tiền 47.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Diệu trình bày từ khi khởi kiện đến nay thì bà B có trả được cho ông Đ số tiền 11.000.000 đồng nên chỉ yêu cầu vợ chồng bà B, ông T có trách nhiệm trả cho ông Đ số tiền còn nợ là 36.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

2/ Bị đơn bà Lê Thị B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho bà B biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và gửi thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà B nhưng bà B không có văn bản trả lời, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản ghi lời khai ngày 28/8/2022 ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông T có biết bà B làm chủ hụi và biết bà B còn nợ ông Đ số tiền 42.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

4/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn có mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Đ. Buộc bà Lê Thị B và ông Huỳnh Văn T cùng liên đới trả cho ông Đ số tiền hụi là 36.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T đã được Toà án tống đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng bà B, ông T vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà B, ông T.

[2] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 11.000.000 đồng, nay chỉ yêu cầu số tiền là 36.000.000 đồng.

Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Đ yêu cầu bị đơn bà Lê Thị B cùng có trách nhiệm liên đới với ông Huỳnh Văn T trả số tiền nợ hụi là 36.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải của Ban nhân dân ấp Mỹ Hiệp, xã Long Bình, thị xã Ngã Năm thì bà B thừa nhận còn nợ ông Đ số tiền 47.000.000 đồng, mặc khác tại biên bản ghi lời khai của ông Huỳnh Văn T cũng thừa nhận có biết bà B nợ tiền hụi ông T và đồng ý cùng bà B trả nợ cho ông Đ, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu số tiền là 36.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định bà B có nợ tiền ông Đ số tiền hụi là 36.000.000 đồng là có thật. Ông T là chồng của bà B, đồng ý trả số nợ trên nên ông Đ khởi kiện yêu cầu bà B, ông T trả số tiền nợ hụi là 36.000.000 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Phía bà B và ông T yêu cầu được trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, phía nguyên đơn không đồng ý, vấn đề này sẽ được xem xét tại giai đoạn thi hành án.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà B, ông T cùng phải liên đới chịu là 1.800.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Đ về việc yêu cầu bị đơn bà Lê Thị B và ông Huỳnh Văn T cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ hụi.

Buộc bà Lê Thị B và ông Huỳnh Văn T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn Đ số tiền tổng cộng 36.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Văn Đ thì hàng tháng bà Lê Thị B và ông Huỳnh Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2/ Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị B và ông Huỳnh Văn T cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.800.000 đồng.

Ông Lê văn Đ không phải chịu án phí.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trúc Phươn